

Bản án số: 49/2022/HNGĐ - ST

Ngày 30 – 9 – 2022

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Điều Nhót và bà Hồ Thị Thu Uyên.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắc Song.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2022/TLST – HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST – HNGĐ ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ch, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Trường X, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Anh Trần Hữu T, sinh năm 1993; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Thôn C, xã Trường X, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2022 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ch trình bày: Chị Lê Thị Ch và anh Trần Hữu T có đăng ký kết hôn ngày 11/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống chị Ch và anh T có với nhau 01 con chung là Trần Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2013. Sau khi đăng ký kết hôn thì chị Ch và anh T chung sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh T là người không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đánh bài, tối thì không về nhà, đánh bài thì nợ nần xong bắt chị Ch trả nợ, khi chị Ch không có tiền trả cho anh T thì chị Ch bị anh T đánh, anh T là một người gia trưởng đã vậy còn không chung

thủy với chị Ch. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hàn gắn cho chị Ch và anh T nhưng không có kết quả. Chị Ch và anh T đã ly thân và không sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Hiện tại chị Ch không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa. Chị Ch nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hữu T.

Về con chung: Chị Ch và anh T có 01 con chung Trần Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2013, tại đơn khởi kiện chị Ch xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Lê Gia Bảo, sinh ngày 19/7/2013 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T chu cấp tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được của bị đơn, không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự với nhau nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX); Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS). Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật cụ thể: Không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Đề nghị giải quyết cho chị Ch ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2013 cho chị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng: Chị Ch không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Lê Thị Ch khởi kiện anh Trần Hữu T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại thôn C, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân

huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng Dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn đi làm ăn xa nhưng biết được việc Tòa án thụ lý vụ án nhưng không về để giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã gọi điện thoại cũng như niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên toà được mở ngày 14/9/2022 bị đơn anh Trần Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do Tòa án đã tiến hành hoãn phiên toà lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Quyết định hoãn phiên toà có thông báo thời gian mở lại phiên toà được niêm yết nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên toà thứ hai không lý do. Như vậy, anh T đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đó là quyền được pháp luật bảo vệ, điều đó cũng thể hiện bị đơn đã không tôn trọng pháp luật quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tại phiên toà hôm nay bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: HĐXX nhận định chị Ch và anh T có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Việc đăng ký kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Tuy Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh T, nhưng trên cơ sở lời khai của chị Ch, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và kết quả xác minh thì thấy chị Ch cho rằng anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè và đánh đập chị Ch nhiều lần, bên cạnh đó anh T thường xuyên bỏ đi, không chăm sóc vợ con. Mặc dù có hàn gắn lại nhưng không có kết quả. Chị Ch và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh T vắng mặt, không có sự trình bày hay đưa ra văn bản nào thể hiện ý chí còn mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này; hơn nữa kết quả xác minh tại nơi cư trú của chị Ch, anh T thì vợ chồng không hạnh phúc, xét thấy chị Ch, anh T đã sống ly thân được hơn 02 năm nay cho đến nay vẫn không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ lại, chị Ch không còn tình cảm với anh T và hiện nay chị Ch và anh T đã ly thân mỗi người sống một nơi. Như vậy, hôn nhân của chị Ch, anh T đã vi phạm Điều

19, Điều 21 Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ch về việc ly hôn với anh Trần Hữu T.

[3.2] Về yêu cầu con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 03/8/2022, con chung Trần Lê Gia Bảo, sinh ngày 19/7/2013 có nguyện vọng được ở cùng với chị Ch. Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy chị Ch và anh T không thỏa thuận với nhau về yêu cầu nuôi con chung, chị Ch có nguyện vọng nuôi dưỡng, hiện nay cháu Bảo đang sống với ông, bà nội nhưng chị Ch đi làm ăn xa phải gửi tiền về để lo cho con. Hơn nữa, qua quá trình Toà án đến làm việc tại nhà ông bà nội của cháu thì ý kiến của ông, bà nội người đang trực tiếp chăm sóc cháu cũng có ý kiến cháu Bảo hiện nay cũng đã lớn, ông bà chỉ có thể chăm sóc cho cháu về mặt vật chất chứ về mặt giáo dục và tinh thần thì rất khó. Tại phiên toà hôm nay chị Ch vẫn có nguyện vọng được nuôi con và trình bày nếu được nuôi con chị sẽ xem xét thôi làm việc ở công ty về nhà sẽ mở quán để được gần con, nuôi dưỡng con tốt hơn. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con cũng như nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ; xét thấy nguyện vọng của chị Ch và cháu Bảo là chính đáng nên HĐXX thấy cần giao con Trần Lê Gia Bảo, sinh ngày 19/7/2013 cho chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ch không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Ch, anh T có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[3.4] Về tài sản chung và công nợ: Chị Ch không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 6; Điều 70; Điều 72; Điều 143; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 19; Điều 21; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ch được ly hôn với anh Trần Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2013 cho chị Lê Thị Ch trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn chị Lê Thị Ch và anh Trần Hữu T có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Chị Ch không yêu cầu về cấp dưỡng nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Lê Thị Ch phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ch đã nộp theo biên lai số 0001604 ngày 19/07/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- Chi cục THADS H. Đắk Song;
- UBND xã Trường Xuân;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ